



Asset  
Management

Phụ lục XXIV: Mẫu báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng  
Appendix XXIV: Report on change of Net Asset Value  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Issued in association with Circular No. 98/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 of the Minister of Finance)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Tại ngày 24 tháng 12 năm 2025 / As at 24 Dec 2025

- 1 Tên Công ty quản lý quỹ:  
Fund Management Company:

2 Ngân hàng giám sát:  
Supervisory bank:

3 Tên Quỹ:  
Fund name:

4 Ngày lập báo cáo:  
Reporting Date:
- Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI  
SSI Asset Management Company Limited

Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)  
Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Quỹ Đầu tư Lợi thế Cạnh tranh Bền vững SSI  
SSI Sustainable Competitive Advantage Fund (SSI-SCA)

Ngày 25 tháng 12 năm 2025  
25-Dec-2025

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT No. | Chỉ tiêu Criteria                                                                                                                        | Mã số Code | Kỳ báo cáo This period | Kỳ trước Last period |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------------|----------------------|
| 1       | Giá trị tài sản ròng Net Asset Value                                                                                                     |            |                        |                      |
| 1.1     | của quỹ/ of the Fund                                                                                                                     |            | 1,259,924,530,244      | 1,255,272,805,739    |
| 1.2     | của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate (không áp dụng/ not applicable)                                                |            |                        |                      |
| 1.3     | của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate                                                                                              |            | 45,457.80              | 45,289.71            |
| 2       | Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) (*) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) (*) |            |                        |                      |
| 2.1     | Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates                                                                                      |            | 4,502,788.06           | 4,502,788.06         |
| 2.2     | Tổng giá trị/ Total value                                                                                                                |            | 204,686,839,074        | 203,929,965,429      |
| 2.3     | Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio                                                                                                            |            | 16.24%                 | 16.24%               |

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)  
Nguyễn Thùy Linh  
Phó phòng Dịch vụ nghiệp vụ Giám sát Quỹ

Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI